PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

NATRI HYPOCLORIT NaClO 10%

Mã số: SDS 001-9

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Số CAS: 14380-61-1 Số UN: 1791 Tên thường gọi của chất: Natri hypoclorit Tên thương mại: Natri hypoclorit Tên khác (không là tên khoa học): Javel	Tên nhà sản xuất và địa chỉ: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Điện thoại: (+84)251-3825111, Fax: (+84)251-3825138 Free Hotline: (+84)1800.599.902
Mục đích sử dụng: Dùng trong công nghiệp tẩy trắng vải sợi, tiệt trùng trong xử lý nước và vệ sinh môi trường.	Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM Điện thoại: (+84)251-3825111, Free Hotline: (+84)1800.599.902

2. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thường gọi của chất	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Natri hypoclorit	14380-61-1	NaClO	10% ± 2%

3. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

a) Phân loại theo GHS (Theo quy định (EC) No 1272/2008)

- Ăn mòn kim loại: cấp 1
- Ăn mòn da: cấp 1B
- Tổn thương mắt: cấp 1
- Nguy hại cấp tính đến môi trường thủy sinh: cấp 1
- Nguy hại mãn tính đến môi trường thủy sinh: cấp 1

b) Các yếu tố nhãn theo GHS (Theo quy định (EC) No 1272/2008)

- Hình đồ:

- Tên hình đồ: Ăn mòn; Cá và cây

- Từ cảnh báo: Nguy hiểm Cảnh báo

- Cảnh báo nguy hiểm:
    - H290: Có thể ăn mòn kim loại.
    - H314: Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.
    - H318: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
    - H400: Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.
    - H410: Rất độc đối với sinh vật thuỷ sinh với ảnh hưởng kéo dài.
- Tuyên bố phòng ngừa:
    - ❖ Phòng ngừa
        - P234: Chỉ giữ trong bao bì gốc.
        - P260: Tránh hít bụi / khói / khí / sương mù / hơi / sương.
        - P264: Rửa tay kỹ sau khi xử lý.
        - P280: Đeo găng tay bảo hộ/ quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt/bảo vệ thính giác/…
        - P273: Tránh thải ra môi trường.
    - ❖ Ứng phó
        - P301 + P330 + P331: NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. Không cố ói mửa.
        - P303 + P361 + P353: NẾU TIẾP XÚC VỚI DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước [hoặc vòi hoa sen].
        - P363: Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.
        - P304 + P340: NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên ở tư thế dễ thở.
        - P310: Gọi ngay cho Trung tâm chất độc hoặc bác sĩ/ …
        - P321: Điều trị cụ thể (xem hướng dẫn sơ cứu bổ sung trên nhãn này).
        - P305 + P351 + P338: NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, (nếu có) để dễ dàng thực hiện. Tiếp tục rửa sạch.
        - P390: Hấp thụ chất thải tràn đổ để ngăn chặn thiệt hại vật chất..
        - P391: Thu gom chất thải
    - ❖ Bảo quản
        - P405: Khóa kín để bảo quản
        - P406: Bảo quản trong hộp chống ăn mòn/... có lớp lót bên trong chống ăn mòn.

❖ Xử lý

- P501: Xử lý các hàm lượng/ thùng chứa theo quy định của địa phương/ khu vực/ quốc gia/ quốc tế.

c) Các thông tin nguy hại khác: Không có thông tin

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

a) Các biện pháp tương ứng với các đường phơi nhiễm:

- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Mở to mí mắt và rửa mắt nhẹ nhàng với thật nhiều nước, ít nhất 10 phút. Đưa ngay bác sĩ chuyên khoa mắt.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Rửa thật sạch với nhiều nước. Dùng polyethylene glycol 400 xoa nhẹ vào vết thương. Ngay lập tức thay áo quần bị nhiễm bẩn.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Thở bằng không khí sạch. Đưa đến bác sĩ.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Cho nạn nhân uống thật nhiều nước (nếu cần có thể uống tới vài lít nước) tránh để nạn nhân nôn mửa (có thể dẫn đến thủng dạ dày). Đưa đến bác sĩ. Yêu cầu bác sĩ thông rửa dạ dày.

b) Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này:

- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt: Gây bỏng, nguy hiểm dẫn đến mù.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Gây bỏng.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Gây kích thích màng nhầy, gây ho.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Gây bỏng miệng, cổ họng, thực quản và thành dạ dày, ruột trên một diện rộng. Có thể làm thủng thực quản, dạ dày.

c) Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết: Không có thông tin

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

a) Các phương tiện chữa cháy thích hợp:

Sử dụng bất kỳ phương tiện chữa cháy nào.

Làm lạnh bồn chứa bằng cách phun nước từ một khoảng cách an toàn. Dùng nước để hấp thu các hơi khí thoát ra.

b) Các chất độc được sinh ra khi bị cháy:

Khi cháy có thể tạo ra các hơi/khí độc hại. Những chất sau đây có thể tăng lên khi cháy: Clo, axit clohydric.

c) Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy:

Các phương tiện dập tắt lửa thích hợp bố trí ở những nơi lân cận chứa hoá chất. Không được ở lại khu vực nguy hiểm mà không được trang bị quần áo bảo hộ hóa chất phù hợp, và bộ dụng cụ bình thở oxy.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

a) Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố:

Tuân theo tất cả các quy định tương ứng của địa phương và quốc tế. Tránh tiếp xúc với các vật liệu bị tràn đổ hay thất thoát. Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho những người không có nhiệm vụ hay

không được bảo vệ vào khu vực này. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp. Ngăn chặn sự rò rỉ nếu có thể và không gây nguy hiểm. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nổ trong khu vực xung quanh. Sử dụng các vật liệu có khả năng hấp thụ (hấp thụ sản phẩm hay mức nước chữa cháy) để tránh làm nhiễm môi trường. Ngăn chặn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác. Cố gắng phân tán hơi hay hướng dòng của nó vào một vị trí an toàn. Phải thông báo cho chính quyền địa phương nếu không khống chế được lượng sản phẩm bị đổ tràn ra.

b) Các cảnh báo về môi trường:

Chất rò rỉ có thể gây ô nhiễm. Cần phải có biện pháp phòng ngừa để ngăn chặn việc đưa vào cống rãnh.

c) Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố:

Những chất còn lại do tràn đổ/rò rỉ thì dùng acid pha loãng để trung hòa. Thẩm thấu chất ăn mòn còn lại bằng đất, cát/chất trơ khác sau đó thu gom lại để trong thùng chứa thích hợp để đem đi xử lý.Đồng thời, trang bị hệ thống thông gió để khống chế sự bay hơi và phân tán của hóa chất trong khu vực làm việc.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

a) Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ…):

Phải có trang bị bảo vệ cá nhân thích hợp và đầy đủ.

b) Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung…):

- Bảo quản nơi khô ráo, thông thoáng. Không để gần các chất dễ cháy nổ.
- Đậy kín nắp sau khi sử dụng. Tránh tiếp xúc với ánh sáng mặt trời.
- Có thể bị phân hủy tạo thành các sản phẩm khí, đặc biệt là khi bảo quản trong một thời gian dài. Đóng các bình chứa sao cho áp suất bên trong có thể thoát ra ngoài (sử dụng van an toàn).
- Không để các chất hữu cơ (rơm, vỏ bào, mùn cưa, giấy), chất oxi hoá, chất dễ cháy, nổ trong cùng một kho với hoá chất.
- Yêu cầu đối với bình chứa: Bình chứa không làm bằng kim loại.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

a) Các thông số kiểm soát (ví dụ: ngưỡng giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp, ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học):

Không có thông tin.

b) Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp:

Thiết bị bảo hộ nên chọn phù hợp với nơi làm việc, phụ thuộc vào nồng độ và hàm lượng các chất độc thao tác. Độ bền với hóa chất của thiết bị bảo hộ phải được xác định với người cung cấp.

c) Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân:

- Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc:

Bảo vệ mắt: Dùng kính bảo hộ.

Bảo vệ thân thể: Quần áo bảo hộ thích hợp.

Bảo vệ tay: Găng tay chống hóa chất.

Bảo vệ chân: Giày hoặc ủng chống hóa chất.

- Thay quần áo bị nhiễm hoá chất ngay lập tức. Sử dụng kem bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hoá chất.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: Chất lỏng	Điểm sôi (^oC): Không có thông tin
Màu sắc: Màu vàng	Điểm nóng chảy (^oC): Không có thông tin
Mùi đặc trưng: Đặc trưng của Javel	Điểm bùng cháy (^oC) (Flash point) theo phương pháp xác định: Không có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không có thông tin	Nhiệt độ tự cháy (^oC): Không có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không có thông tin
Độ hòa tan trong nước: Tan trong nước ở 20^oC.	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Không có thông tin
Độ pH: 12 – 13 (20^oC)	Tỷ lệ hóa hơi: Không có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m^3): Không có thông tin	Các tính chất khác nếu có: Không có thông tin

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

a) Khả năng phản ứng:

Phản ứng với các vật liệu không tương thích.

b) Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập…):

Dễ bị phân hủy dưới tác dụng của ánh sáng và nhiệt độ, nhiệt độ tăng tốc độ phân hủy càng mạnh.

c) Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy nổ...):

Ăn mòn da, phản ứng với axit, kim loại và các muối kim loại.

d) Các điều kiện cần tránh (ví dụ: tĩnh điện, rung, lắc…): Ánh sáng, đun nóng.

e) Vật liệu không tương thích: Các axit, kim loại và các muối kim loại.

f) Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy:

Khi đun nóng sẽ bị phân hủy tạo thành natri clorat và natri clorua.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt: Gây bỏng, nguy hiểm dẫn đến mù.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Gây bỏng.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Gây kích thích màng nhầy, gây ho.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Gây bỏng miệng, cổ họng, thực quản và thành dạ dày, ruột trên

một diện rộng. Có thể làm thủng thực quản, dạ dày.

- Một số chú ý khác: Sản phẩm nên được sử dụng cẩn thận khi làm việc với hóa chất.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

a) Độc môi trường (nước và trên cạn):

Loại sinh vật	Kết quả
cá và sinh vật phù du	Độ độc hại phụ thuộc vào chỉ số pH

b) Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy: Không có thông tin

c) Khả năng tích lũy sinh học: Không có thông tin

d) Độ linh động trong đất: Không có thông tin

đ) Các tác hại khác: Không có thông tin

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

a) Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp):

Sản phẩm:

- Không có một nguyên tắc thống nhất nào cho việc thải bỏ các hóa chất hoặc cặn bã. Các cặn hóa chất thường được tính như là chất thải đặc biệt. Việc loại bỏ gần đây được điều chỉnh lại theo nguyên tắc và luật lệ giữa các thành viên EC.
- Hoá chất hết hạn hoặc mất phẩm chất phải được xử lý, nếu huỷ bỏ phải tuân thủ quy định nhà nước hiện hành.

Bao bì:

Hủy bỏ được sự đồng ý của chính quyền địa phương. Xử lý bao bì bị nhiễm bẩn cũng giống như việc xử lý bản thân hóa chất đó. Nếu các điều luật không có qui định khác biệt, bao bì không nhiễm bẩn có thể xử lý giống như chất thải sinh hoạt hoặc tái sử dụng.

b) Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Không có thông tin.

c) Biện pháp tiêu hủy(bao gồm sản phẩm và bao bì nhiễm bẩn)**:** Liên hệ với các cơ quan chức năng để xử lý.

d) Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Không có thông tin

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

a) Số UN: 1791

b) Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển: 8

c) Quy cách đóng gói: Nước Javel được chứa trong các can hoặc thùng chuyên dùng không phải kim loại và được vận chuyển bằng các loại xe tải.

d) Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển:

Không vận chuyển hoá chất nguy hiểm với người, gia súc và các hàng hoá khác. Trên đường vận chuyển, chủ phương tiện không đỗ dừng phương tiện ở nơi công cộng, đông người.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Quy định pháp luật phải tuân thủ:

- Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
- Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.
- Nghị định 42/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thuỷ nội địa.
- Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 06 năm 2016 của Bộ Khoa học công nghệ qui định Trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất Oxy hóa, các hợp chất oxit hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Quy định (EC) số 1272/2008 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 16 tháng 12 năm 2008 về phân loại, ghi nhãn và đóng gói các chất và hỗn hợp.
- Và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.

16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 20/02/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 19/01/2024

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Lưu ý người đọc:
Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.
Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc